



PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)
SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING – SHIP EVALUATION

No.32, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028-38817289

www.pioneershipbrokers.com.vn

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khách hàng ứng dụng **Pioneer Shipbrokers** có trên **iOS và Android**, công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 36/2023

(29/08/2023 – 04/09/2023)

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Ở mảng tàu hàng khô, chỉ số thuê tàu BDI vẫn tiếp tục giảm trong những ngày cuối tháng 8 và tăng nhẹ một chút khi sang đầu tháng 9, hiện đang ở mức 1.083 điểm so với tuần trước 1.078 điểm. Do gần đây số lượng người Mua tàu rất ít trong khi các tàu chào bán ra thị trường ngày một nhiều nên tuần qua các chủ tàu đã có động thái giảm giá mạnh để chốt tàu nhanh. Vì vậy số lượng giao dịch ở tuần 36 khá tích cực. Ở phân khúc Supramax, tháng 7/2023, tàu **Tai Honesty** (55.418 dwt, đóng 2007 Nhật, DD 07/2025, SS 03/2027) được bán với giá khoảng 12,5 triệu đô la Mỹ thì hiện nay tàu tương tự nhưng già hơn một tuổi **Sea Aquarius** (53.468 dwt, đóng 2006 Nhật, DD 08/2024, SS 05/2026) được chốt bán với giá chỉ khoảng 9,8 triệu đô la Mỹ. Đây sẽ là mốc tham chiếu mới cho tàu Supramax già đóng Nhật trong thời gian tới. Tương tự ở phân khúc Handysize, việc giảm giá mạnh cũng không thể tránh khỏi. Đơn cử tàu **Voge Julie** (35.853 dwt, đóng 2011 Trung Quốc, DD 01/2025, SS 01/2026) bán cuối tháng 7 với giá khoảng 12,5 triệu đô la Mỹ thì tuần qua tàu tương tự **Klara Selmer** (34.999 dwt, đóng xưởng Samjin tại Trung Quốc, chở gỗ được, DD 04/2024, SS 01/2026) được bán với giá chỉ khoảng 11,2 triệu đô la Mỹ. Cũng trong tuần qua, hai tàu tương tự già hơn một tuổi đóng tại Trung Quốc là **Tasman Spirit** (35.256 dwt, DD/SS 01/2025) và tàu **Vil Atlantic** (37.852 dwt, DD/SS 02/2025) được chốt bán với giá cực kỳ hợp lý, chỉ khoảng 9,5 triệu đô la Mỹ/tàu. Đây sẽ là mốc tham chiếu mới cho cỡ tàu 35-35k dwt trẻ đóng Trung Quốc. Cũng thuộc phân khúc Handysize nhưng trọng tải nhỏ hơn, tàu **Seastar Trader** (30.487 dwt, đóng 2007) được chủ tàu Anh bán với giá khoảng 7,5 triệu đô la Mỹ. Tàu này tuy đóng tại Trung Quốc nhưng ở xưởng Nhật Tsuji và hầu hết máy móc thiết bị đều là máy Nhật, Hàn Quốc. Đã lâu rồi mới ghi nhận tàu cỡ 30k dwt bán trên thị trường. Một tàu cỡ 28k dwt là **Iris Sky** (28.725 dwt, đóng 2008 Nhật) được chủ tàu Nhật mời chào giá cạnh tranh và cuối cùng về tay người Mua Hy Lạp với giá khoảng 8,5 triệu đô la Mỹ. Tàu này tháng 11/2023 phải lên đà DD/SS, tuy nhiên tình trạng tàu rất tốt, hầm hàng hộp và tàu chỉ có một đời chủ từ lúc đóng mới đến nay. Giá bán tàu **Iris Sky** sẽ là mốc tham khảo cho cỡ tàu 28k dwt xung quanh 15 tuổi đóng Nhật. Các tàu đề cập bên trên đều đã lắp hệ thống xử lý nước dằn.

Ở mảng tàu dầu/hóa chất, thị trường thuê tàu nhìn chung vẫn tiếp tục trì trệ. Chỉ số BDTI tiếp tục giảm 6,7%, riêng chỉ số BCTI vẫn theo đà tăng thêm 3,7%. Hiện nay, giá bán tàu tuy đã giảm nhưng còn nhẹ và không biến động quá nhiều so với 2-3 tháng trước. Tuy giá tàu còn cao do hưởng lợi từ giai đoạn cao điểm, nhưng có thể nhận thấy thị trường đã qua giai đoạn bùng nổ, hiện chỉ đang cầm chừng. Nếu tiếp tục đà hiện tại thì trong thời gian tới giá tàu sẽ còn giảm thêm chút, khả năng cao vẫn chưa giảm nhiều.

Bảng ghi nhận các giao dịch mua bán tàu đã qua sử dụng trong tuần qua:

Name	Blt Year	Blt Place	Dwt	Price M.USD	Buyers	Comment
BULKERS / GENERAL CARGOES						
Tian Bao Hai	2004	China	174,766	13.50	Undisclosed	DD 06/2025, SS 04/2027
Port Star	2012	Tsuneishi Zhoushan, China	82,177	20.50	Undisclosed	BWTS fitted, DD 03/2025, SS 05/2027
G R A	2002	Japan	76,634	Undisclosed	Chinese	BWTS fitted, DD 11/2024, SS 02/2027
Anna	2002	Japan	75,162	Undisclosed	Far Eastern	BWTS fitted, DD 09/2025, SS 07/2027
Lowlands Breeze	2013	Japan	61,430	20.80	AIMS Shipping	BWTS fitted, DD/SS passed 07/2023, next DD 07/2026, SS 07/2028
Ultra Regina	2013	Japan	61,424	20.00	Undisclosed	BWTS fitted, DD/SS 10/2023
Nord Pacific	2018	Japan	61,221	27.20	Far Eastern	BWTS fitted, DD 01/2026, SS 01/2028
Sea Aquarius	2006	Japan	53,468	9.80	Chinese	BWTS fitted, DD 08/2024, SS 05/2026
Vil Atlantic	2010	China	37,852	9.50	Undisclosed	BWTS fitted, ice class 1C, M/E Wartsila, DD/SS 02/2025, German owners
Nord Savannah	2013	Japan	37,067	16.50	Undisclosed	OHBS, BWTS fitted, DD 05/2026, SS 05/2028
Tasman Spirit	2010	China	35,256	9.50	Chinese	BWTS fitted, log-fitted, M/E MAN-B&W, DD/SS 01/2025
Klara Selmer	2011	Samjin - Weihai, China	34,999	11.20	Undisclosed	BWTS fitted, log-fitted, DD 04/2024, SS 01/2026, Norwegian owners
Seastar Trader	2008	Tsuji HI, China	30,487	7.50	Turkish	BWTS incl in the sale (ordered), M/E MAN-B&W, DD/SS due 11/2023, UK-based owners
Iris Sky	2008	Japan	28,725	8.50	Undisclosed	OHBS, BWTS fitted, DD/SS due 11/2023
Blue Ocean	2008	China	7,665	7.20	Filipino	618 teu, ice clas II, CR 2X35T, bulbous bow, DD/SS passed 05-06/2023, next DD 05/2026, SS 01/2028, Israeli owners
TANKERS						
Landbridge Horizon	2019	China	308,121	102.00	CSSC Hong Kong	Incl 9 years & 7 years BB back respectively at 29,5k US\$/pd with purchase obligation at the end, BWTS & scrubber fitted, Landbridge Horizon (DD/SS 08/2024), Landbridge Glory (DD/SS 04/2024)
Landbridge Glory	2019	China	307,852	102.00		

Landbridge Wisdom	2020	China	307,894	Undisclosed	Undisclosed	Sale & leaseback deal, purchase option, BWTS & scrubber fitted, DD passed 05/2023, next DD/SS 05/2025
Lila Orlando	2005	Korea	158,706	37.80	Chinese	BWTS fitted, DD due 11/2023, SS 06/2025
Fionia Swan	2005	Turkey	15,609	8.90	Undisclosed	Ice class 1A, chemical IMO II, siloxirane coated, bulbous bow, DD 09/2025, SS 11/2025
CONTAINERS						
Southampton Express	2011	Korea	153,514	Undisclosed	German	Old sale 07/2023, 12562 teu, BWTS & scrubber fitted, DD/SS 05/2024
One Cosmos	2008	Japan	90,466	108.80	Canadian	TC attached, 8102 teu, BWTS fitted, DD/SS 10/2023
One Continuity	2008	Japan	90,466			TC attached, 8102 teu, BWTS fitted, DD/SS due 11/2023
Felixstowe	2002	Korea	50,790	Undisclosed	Japanese	4253 teu, DD 11/2024, SS 10/2027
Northern Defender	2007	China	42,121	17.00	Chinese	3534 teu, BWTS fitted, ice class II, M/E MAN-B&W, DD 09/2025, SS 09/2027

Bảng minh họa giá trị tàu đã qua sử dụng cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật):

Giá trị tàu hàng khô (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm	Giá trị tàu hàng khô (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm
		09/2023	1M	3M	6M	12M				09/2023	1M	3M	6M	12M	
CAPE SIZE							VLCC								
180k dwt	Resale	61.00	-2%	-7%	12%	2%	52.75	310k dwt	Resale	126.00	0%	0%	0%	15%	97.75
180k dwt	5 tuổi	47.50	-1%	-11%	7%	-5%	37.25	310k dwt	5 tuổi	98.50	-1%	-2%	-2%	17%	73.25
170k dwt	10 tuổi	29.25	-3%	-10%	-1%	-10%	26.25	250k dwt	10 tuổi	74.50	0%	-3%	-3%	27%	50.25
150k dwt	15 tuổi	19.50	3%	-5%	3%	-7%	16.50	250k dwt	15 tuổi	56.50	-3%	-7%	-7%	36%	35.00
PANAMAX							SUEZMAX								
82k dwt	Resale	38.00	-1%	-5%	1%	-5%	33.75	160k dwt	Resale	91.00	1%	1%	6%	14%	67.25
82k dwt	5 tuổi	32.00	0%	-4%	5%	-4%	26.50	150k dwt	5 tuổi	73.50	1%	-1%	7%	24%	50.25
76k dwt	10 tuổi	20.50	-7%	-16%	-11%	-18%	17.75	150k dwt	10 tuổi	58.50	0%	2%	9%	36%	35.00
74k dwt	15 tuổi	13.50	-4%	-18%	-11%	-23%	12.00	150k dwt	15 tuổi	37.50	0%	1%	10%	34%	21.50
SUPRAMAX							AFRAMAX								
62k dwt	Resale	36.00	-3%	-6%	-1%	-8%	31.25	110k dwt	Resale	79.50	0%	0%	5%	14%	54.75
58k dwt	5 tuổi	28.25	-6%	-9%	-1%	-10%	21.50	110k dwt	5 tuổi	64.00	0%	0%	2%	17%	40.75
56k dwt	10 tuổi	18.50	-6%	-13%	-4%	-19%	15.75	105k dwt	10 tuổi	51.50	0%	-2%	2%	30%	28.00
52k dwt	15 tuổi	13.00	-5%	-16%	-15%	-26%	11.00	105k dwt	15 tuổi	34.50	0%	0%	5%	30%	17.50
HANDYSIZE							MR								
37k dwt	Resale	32.00	-2%	-2%	8%	0%	25.75	52k dwt	Resale	51.00	0%	0%	5%	7%	39.25
37k dwt	5 tuổi	23.00	-8%	-13%	-8%	-16%	19.25	52k dwt	5 tuổi	40.50	0%	-5%	-4%	0%	30.00
32k dwt	10 tuổi	15.00	-14%	-21%	-12%	-23%	12.75	45k dwt	10 tuổi	31.50	-2%	-9%	-3%	7%	20.50
28k dwt	15 tuổi	9.50	-14%	-24%	-14%	-30%	8.00	45k dwt	15 tuổi	24.00	7%	-2%	12%	23%	13.00

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Type	Size	Price (m.usd)	Qty	Yard	Owners	Delivery	Comments
Tanker	88,000 cbm	107.50	2	Hyundai H.I.	Solvang	Jul 2027	Price per unit
LPG	40,000 cbm	61.50	2	Nantong CIMSC	Avance Gas	2026	Price per unit
Tanker	155,000 dwt	87.00	4	New Times	Maran Tankers	FH 2027	Price per unit, LNG dual-fueled
Bulker	64,000 dwt	37.75	2	Nihon Shipyard	Globus Maritime	SH 2026	Price per unit

Bảng minh họa giá tàu đóng mới cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật)

Giá trị tàu hàng khô đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	09/2023	1M	3M	6M	12M
Capesize (180.000 dwt)	65.0	0.00%	0.00%	4.00%	-0.76%
Panamax (77.000 dwt)	42.0	0.00%	0.00%	16.67%	5.00%
Supramax (61.000 dwt)	38.0	0.00%	0.00%	10.14%	1.33%
Handysize (37.000 dwt)	33.0	3.03%	3.03%	13.33%	-1.45%

Giá trị tàu dầu đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	09/2023	1M	3M	6M	12M
VLCC (300.000 dwt)	127.0	0.00%	0.00%	4.96%	5.83%
Suezmax (170.000 dwt)	86.0	0.00%	0.00%	6.17%	4.88%
A.max (115.000 dwt)	68.5	0.00%	0.00%	7.03%	5.38%
MR (56.000 dwt)	47.5	0.00%	0.00%	6.74%	7.95%

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

Thị trường hai phân khúc **Ultramax** và **Supramax** tuần qua tăng mạnh. Thiếu hụt tàu chở hàng ở cả hai lưu vực khiến cước vận tải tăng cao, khiến các người thuê tàu phải tìm kiếm mức giá ổn định. Cụ thể cước trung bình trong tuần đóng cửa ở mức 10.779 đô la Mỹ, tăng 786 đô la Mỹ (tương đương 7,87%) so với mức 9.984 đô la Mỹ của tuần trước. Phía Thái Bình Dương, Sunshine chốt tàu **CL Anzi He** (63.077 dwt, đóng 2020) đi từ Villanueva (31/08) qua Indonesia đến Nam Trung Quốc với giá khoảng 13.500 đô la Mỹ, cùng lúc tàu **Lusanne** (60.696 dwt, đóng 2017) được chốt đi từ Gresik (07-13/09) qua Indonesia đến Bồ Đào Nha (Bắc Mumbai) với giá khoảng 14.500 đô la Mỹ và tàu **Um Elhanaya** (56.726 dwt, đóng 2010) được chốt đi từ Singapore (01-07/09) đến Chittagong với giá khoảng 12.200 đô la Mỹ. Ở Ấn Độ Dương, tàu **Merchia** (63.800 dwt, đóng 2015) được chốt chở quặng mangan từ Cảng Elizabeth (10-15/09) đến Trung Quốc với giá khoảng 18.500 đô la Mỹ cộng thêm 185.000 đô la Mỹ chi phí ballast, Norvic chốt hai tàu **Jabal Almisht** (63.193 dwt, đóng 2019) đi ngay từ Jebel Ali qua Vịnh Ả Rập đến Bangladesh với giá khoảng 17.000 đô la Mỹ và tàu **Am Ocean Silver** (52.392 dwt, đóng 2005) đi ngay từ Dar Es Salaam qua Vịnh Ả Rập đến Ấn Độ với giá khoảng 17.000 đô la Mỹ. Phía Đại Tây Dương, Bunge chốt tàu **Dolce Vita** (61.616 dwt, đóng 2012) đi ngay đến khu vực Singapore-Nhật Bản với giá khoảng 16.000 đô la Mỹ cộng thêm 600.000 đô la Mỹ chi phí ballast và Inerco chốt tàu **Belforce** (61.224 dwt, đóng 2021) chở hàng rời từ Ereğli (01-05/09) qua Biển Đen đến khu vực Singapore-Nhật Bản với giá khoảng 20.500 đô la Mỹ.

Cước trung bình phân khúc **Handies** tuần qua đóng cửa ở mức 9.742 đô la Mỹ, tăng 620 đô la Mỹ so với mức 9.120 đô la Mỹ của tuần trước. Phía Châu Á vẫn có rất nhiều tín hiệu tích cực dù cho thị trường có phần bị chậm lại đáng chú ý do các ngày nghỉ lễ ở Singapore. Có dự đoán cước tăng vào cuối tuần qua nhưng điều đó không đã không xảy ra, tuy nhiên thị trường vẫn đang ổn định và có nhiều kỳ vọng ở tuần này. Có tin tàu **Pan Harmony** (32.453 dwt, đóng 2010) neo ở Singapore (06-11/09) được chốt một chuyến chở hàng sạch đi chuyên khứ hồi đến Úc với giá khoảng 9.500 đô la Mỹ, thêm tin tàu **Nemrut Bay** (34.431 dwt, đóng 2019) neo ở Kwinana (10/09) được chốt đến Bắc Trung Quốc với giá khoảng 15.000 đô la Mỹ. Tàu **Summer Sea** (35.240 dwt, đóng 2019) neo ở CJK (05-06/09) dường như được chốt chở thép qua Viễn Đông đến Bồ Đào Nha Ấn Độ với giá khoảng 9.500 đô la Mỹ. Ở mảng thuê định hạn, có tin tàu **Daiwan Wisdom** (31.833 dwt, đóng

2010) neo ở Trung Quốc được thuê khoảng 4-6 tháng với giá 9.850 đô la Mỹ, tuy nhiên chi tiết thương vụ không được tiết lộ. Cước ở Continent và Địa Trung Hải tăng mạnh do thiếu hụt tàu chở hàng ở nơi đây. Một tàu khoảng 38.000 dwt được chốt với giá khoảng 11.000 đô la Mỹ cho chuyến chở phế liệu từ Continent đến Thổ Nhĩ Kỳ. Một tàu khoảng 30.000 dwt được chốt với giá khoảng 8.000-8.300 đô la Mỹ với chuyến đi từ Nam Tây Ban Nha đến Anh Quốc. Tàu **Nordloire** (37.212 dwt, đóng 2013) neo ở Bắc Continent được chốt chở hàng rời đi qua Skaw, tiếp qua Baltic đến Bờ Đông Hoa Kỳ với giá khoảng 8.500 đô la Mỹ. Một tàu khoảng 38.000 dwt được chốt 2-3 chuyến đi từ Canakkale và trả tàu nguyên trạng ở Đại Tây Dương với giá khoảng 11.900 đô la Mỹ. Ghi nhận nhiều hoạt động vận tải ở Hoa Kỳ mặc dù cước có thấp hơn một chút so với ở Đại Tây Dương. Tàu **Persenk** (30.361 dwt, đóng 2010) được Lauritzen chốt đi từ Bờ Đông Hoa Kỳ và trả tàu ở Ba Lan với giá khoảng 8.000 đô la Mỹ. Ở Vinh Hoa Kỳ, tàu **Izumo Hermes** (37.301 dwt, đóng 2020) được Ultrabulk chốt giao tàu nguyên trạng, chở viên gỗ từ Đèo Tây Nam đến Continent với giá khoảng 10.000-11.000 đô la Mỹ. Thiếu nguồn cung tàu chở hàng là nguyên nhân cước tăng trên toàn khu vực Nam Mỹ. Tàu **Monegasque Epee** (33.190 dwt, đóng 2015) được chốt đi từ Bờ Bắc Nam Mỹ đến Continent với giá khoảng 9.000 đô la Mỹ. Tàu **Ionian Sea** (37.705 dwt, đóng 2019) được Western Bulk Carriers chốt đi từ Fazendinha đến Na Uy với giá khoảng 15.400-15.600 đô la Mỹ.

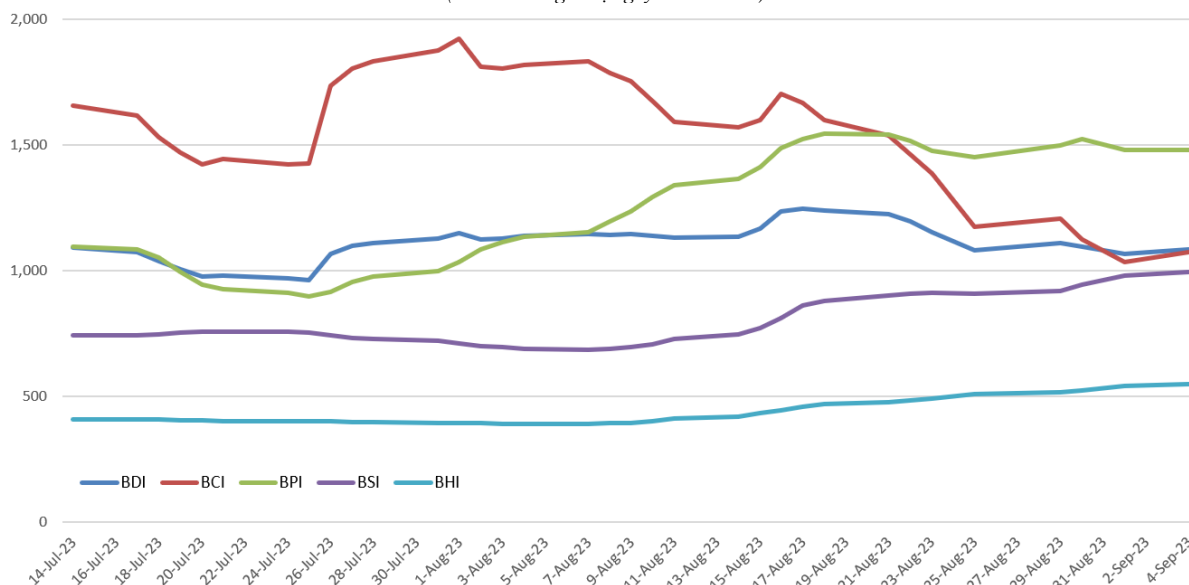
Bảng tham khảo cước một số khu vực trên thế giới trong Tuần 36/2023 vừa qua:

RATES/PANAMAX (USD/DAY, USD/TON)	TUẦN 36/2023	TUẦN 35/2023	Mức thấp nhất năm 2023 (cập nhật tới Tuần 36)	Mức cao nhất năm 2023 (cập nhật tới Tuần 36)
TRANSATLANTIC RV	13,605	14,720	4,830	15,900
TCT CONT/F.EAST	22,245	23,077	14,764	26,465
TCT F.EAST/CONT	5,998	5,255	2,501	9,260
TCT F.EAST RV	11,267	9,718	6,525	14,904
RATES/SUPRAMAX (USD/DAY)				
ATLANTIC RV	13,182	10,604	6,630	17,016
PACIFIC RV	8,494	8,313	5,056	13,531
TCT CONT/F.EAST	18,121	14,950	9,933	19,863

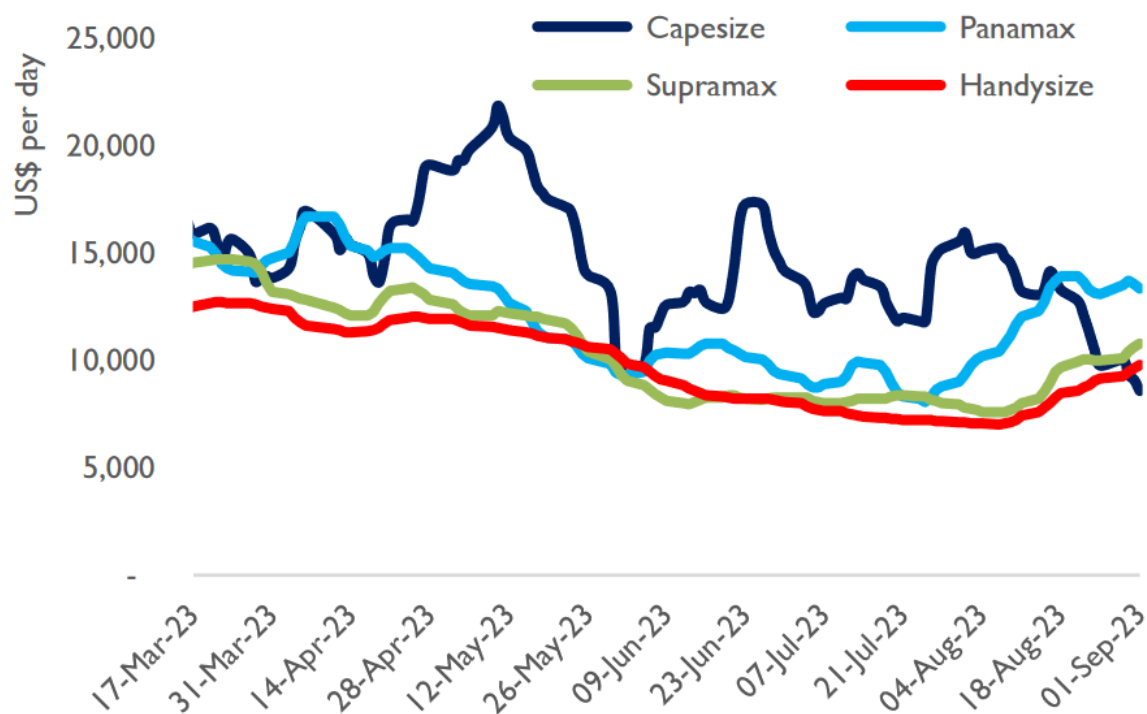
GIÁ THUÊ T/C TRUNG BÌNH TÀU HÀNG KHÔ THAM KHẢO NGÀY 04/09/2023

	US\$/ngày	▲/▼	
SUPRAMAX	10,779	▲	786
HANDIES 38K	9,742	▲	620

(so sánh với giá trị ngày 28/08/2023)



CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU HÀNG KHÔ



3.2. Thị trường thuê tàu dầu/hóa chất:

Tại thời điểm báo cáo, giá dầu thô Mỹ WTI giao dịch ở ngưỡng 85,53 đô la Mỹ/thùng, trong khi giá dầu Brent dừng lại ở mức 88,48 đô la Mỹ/thùng.

Ả Rập Xê-út đã đi đầu trong nỗ lực hỗ trợ giá. Quốc gia này đã thực hiện cắt giảm sản lượng lớn tự nguyện như một phần của thỏa thuận sản lượng được OPEC+ thông qua. Dự kiến, sẽ gia hạn mức cắt giảm tự nguyện 1 triệu thùng/ngày sang tháng 10, tháng cắt giảm thứ 4 liên tiếp. Cùng với đó, Nga đã đồng ý với các đối tác OPEC+ về các điều kiện để tiếp tục cắt giảm xuất khẩu trong tháng 10. Chi tiết về thỏa thuận sẽ được tiết lộ trong tuần này.

3.2.1 Phân khúc tàu chở dầu thô

Phân khúc tàu VLCC	Dòng chảy hàng hóa từ khu vực Trung Đông sang khu vực phía Đông tiếp tục suy yếu khiến cho cước trên tuyến Trung Đông/Trung Quốc giảm thêm vài điểm và hiện đang ở mức WS 39. Theo tổng hợp, xu hướng sụt giảm này bắt đầu từ giữa tháng 7 và chưa có dấu hiệu ngừng lại. Trong bối cảnh hiện tại giữa việc cắt giảm sản lượng và thực trạng việc nhập khẩu dầu thô từ Trung Quốc và các nước Đông Nam Á, thì chưa có một nhận định nào được đưa ra rằng thị trường sẽ có bước hồi phục trở lại.			
	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ/ngày)	Xu hướng so với tuần trước
	Trung Đông/Trung Quốc	16.700	8.055	↓
	Trung Đông/USG	- 6.350	-10.800	↓

Phân khúc tàu Suezmax

Sau một tuần khá bùng nổ, phân khúc tàu Suezmax đã quay lại xu hướng trầm lắng trong tuần này. Theo ghi nhận, cước trên tuyến Nigeria/Rotterdam đã giảm khoảng 5 điểm và hiện đang ở mức WS 70. Tại khu vực Địa Trung Hải, các giao dịch cũng diễn ra một cách nhỏ giọt trên thị trường. Ghi nhận một vài giao dịch được ký kết với mức cước không quá cao. Đơn cử, Cước từ Basrah đi Địa Trung Hải đang ở mức WS 60.

Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
Tây Phi / Cont	19.590	15.880	↓
Biển Đen/ Địa Trung Hải	9.300	8.370	↓

Phân khúc tàu Aframax

Nguồn cung tàu đang có xu hướng tăng nhanh tại khu vực phía đông Suez sau khi xuất khẩu dầu thô từ Nga giảm. Điều này đã tạo ra xu hướng cạnh tranh về cước giữa các chủ tàu trên tuyến Trung Đông/Singapore. Tại khu vực Địa Trung Hải, cước từ Ceyhan đi Lavera đã giảm 4 điểm xuống mức WS 102. Tại khu vực Biển Bắc, khởi đầu diễn ra khá ảm đạm với nguồn cung tàu khá cao.

Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
Trung Đông/ Singapore	19.400	18.500	↓
Caribs/USG	18.240	11.542	↓
Châu Á/Úc	19.320	19.130	↓

3.2.2 Phân khúc tàu chở dầu thành phẩm/ hóa chất:

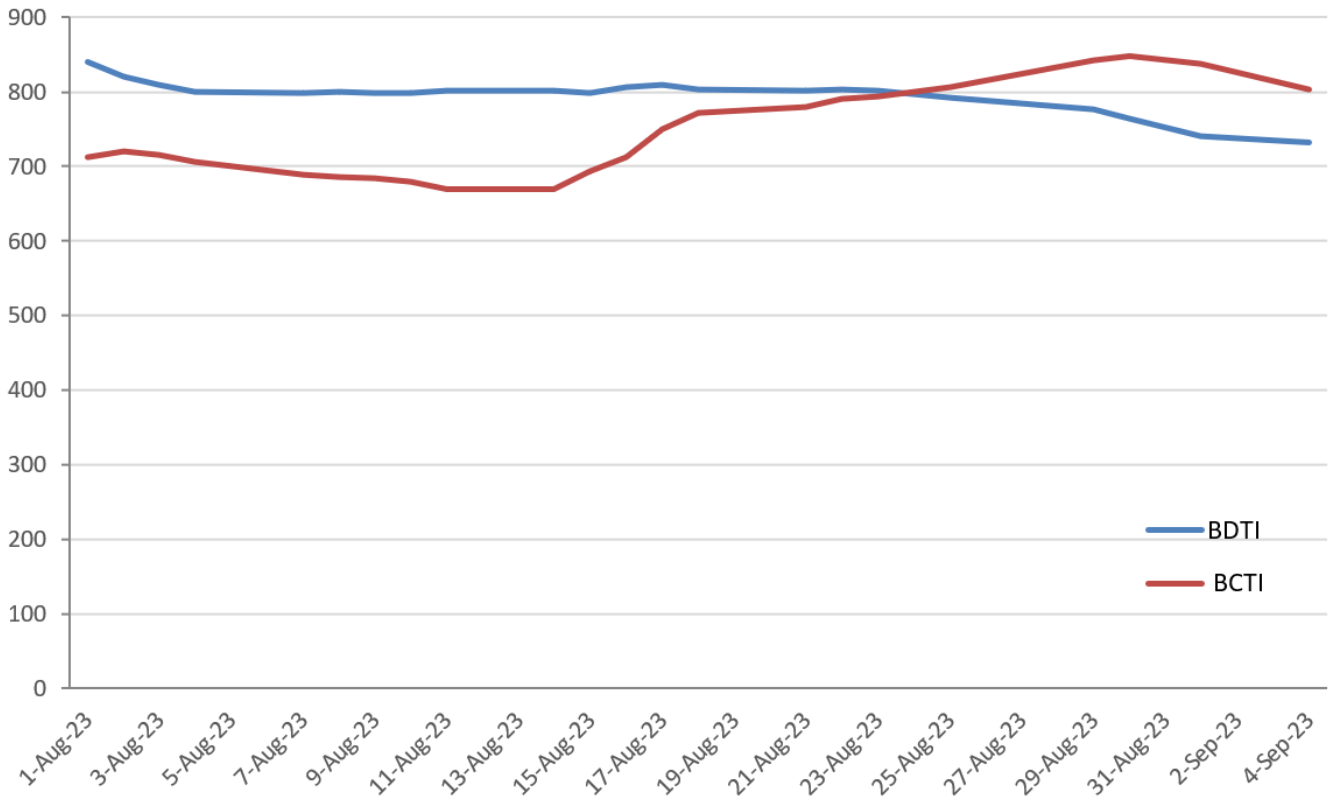
Đối với phân khúc **tàu MR**: Các tàu MR hoạt động tại khu vực Bắc Á đã trải qua một tuần khá sôi động khi nguồn cung hàng hóa tham gia vào thị trường. Nguồn cung tàu tại khu vực đang giảm đi rõ rệt, đồng thời cước có xu hướng tăng lên. Theo ghi nhận, cước từ Hàn Quốc đi Úc đã tăng lên mức WS 210. Theo một số nguồn tin, hạn ngạch xuất khẩu của Trung Quốc trong tháng 9 sẽ tăng mạnh khiến cho các chủ tàu trở nên lạc quan hơn trong một vài tuần tới. Tương tự, tàu MR tại khu vực Đông Nam Á cũng đã trải qua một tuần khá ổn định với nguồn hàng mới tham gia vào thị trường. Tại khu vực UKC, ghi nhận một lượng tàu được ký kết trong tuần với mức cước ổn định. Theo báo cáo, cước trên tuyến Cont/USAC đang dao động quanh mức WS 220.

Đối với phân khúc **tàu dầu/hóa chất nhỏ**: Đối với các giao dịch đi hướng phía Bắc, theo ghi nhận, nhu cầu của Trung Quốc về hai loại hàng BTX và Glycols đang đóng vai trò là bánh lái điều khiển thị trường. Các chủ tàu đang đàm phán các lô hàng từ Petronas và PTT. Đối với hàng hóa đi khu vực phía Nam (Đông Nam Á và Ấn Độ), nguồn cung tàu đang được thắt chặt do đó cước được giữ ở mức ổn định. Đối với dầu cò, các giao dịch đi Ấn Độ và Trung Quốc vẫn diễn ra khá sôi động. Theo ghi nhận, cước đi bờ Đông và Tây Ấn Độ đang lần lượt được ký kết ở mức 36-37 đô la Mỹ/tấn và 45 đô la Mỹ/tấn (Cước có thể cao hoặc thấp hơn một vài đô tùy thuộc vào cảng xếp và dỡ). Tại khu vực Trung Đông, hàng CSS vẫn đang là điểm sáng của thị trường với ghi nhận nhiều đơn hàng trên thị trường. Theo tổng hợp, cước chở 10.000 tấn Pygas từ bờ Tây Ấn Độ đi Trung Đông được ký kết ở khoảng mức 287.000 đô la Mỹ (giảm từ 330.000 đô la Mỹ trong giao dịch trước đó). Trong khi, hàng một số đơn hàng CSS X-AG được ký kết quanh mức 330-350.000 đô la Mỹ (tăng từ mức 270.000 đô la Mỹ trong giao dịch trước đó).

Bảng minh họa giá thuê tàu định hạn cập nhật theo số liệu gần nhất (US\$/ngày):

	Giá thuê tàu định hạn tuần 36			Giá thuê tàu định hạn tuần 35		
	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM
VLCC	-	-	-	45,000	41,000	38,000
SUEZMAX	-	-	-	44,500	35,500	32,500
AFRAMAX	-	-	-	43,000	36,500	31,000
LR-2	-	-	-	43,000	37,000	31,500
LR-1	-	-	-	33,000	28,500	25,000
MR	-	-	-	27,000	24,000	21,500
HANDY	-	-	-	23,000	18,000	15,000

CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU DẦU



4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO

(dành cho tàu có lt > 5.000)

STT	Giao tại	Tàu hàng rời		Tàu dầu		Tàu container	
		US\$	▼/▲	US\$	▼/▲	US\$	▼/▲
1	Pakistan	520	▲ 20	540	▲ 20	560	▲ 20
2	India	510	▲ 20	530	▲ 20	550	▲ 20
3	Bangladesh	480		500		520	
4	Turkey	300		310		320	

(đơn vị tính: usd/lt ldt. 1 lt = 1.017 mt ldt)

MỘT SỐ TÀU PHÁ DỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 36/2023

Name	Type	Blt year	LDT	Demolition place	Price (US\$/t)	Dwt	Comments
Gloria 1	Bulker	1998	11,167	Pakistan	525.00	77,663	
Yong Ning	Bulker	1996	12,724	Pakistan	500.00	48,139	
Lady Of Luck	Container	1998	11,454	-	545.00	30,730	Subcont options, some bunkers included
Frio Olympic	Reefers	1988	4,698	India	511.00	8,946	
Zefyros Reefer	Reefers	1990	4,656	India	511.00	8,946	

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG
PIONEER SHIPBROKERS
MUA – BÁN – THUÊ TÀU

Email: snp@pioneershipbrokers.com.vn

*Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo.
Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.*